

QUY CHẾ MẪU
BÁN ĐẤU GIÁ CỔ PHẦN CỦA
DOANH NGHIỆP (TÊN TỔ CHỨC PHÁT HÀNH)
(ban hành kèm theo Quyết định số 115/2007/QĐ-UBCK ngày 13 tháng 02 năm 2007 của
Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này áp dụng đối với việc tổ chức bán đấu giá cổ phần của doanh nghiệp (tên *Tổ chức phát hành*) được thực hiện tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán.....(tên TTGDCK)/ công ty chứng khoán...(tên công ty chứng khoán).

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

2.1. *Bán đấu giá cổ phần* là việc bán cổ phần của doanh nghiệp (tên *Tổ chức phát hành*) công khai cho các nhà đầu tư có sự cạnh tranh về giá;

2.2. *Nhà đầu tư* là tổ chức kinh tế và cá nhân trong, ngoài nước theo quy định tại Điều 4 Nghị định 187/2004/NĐ-CP ngày 16/11/2004 của Chính phủ về việc chuyển công ty nhà nước thành công ty cổ phần;

2.3. *Cơ quan quyết định cổ phần hoá* là (tên cơ quan có thẩm quyền quyết định cổ phần hoá);

2.4. *Bước giá* là khoảng cách giữa các giá đặt mua liên tiếp;

2.5. *Giá đấu* là các mức giá đặt mua cổ phần của nhà đầu tư được ghi vào Phiếu tham dự đấu giá;

2.6. *Mệnh giá một cổ phần đưa ra đấu giá*: 10.000 đồng;

2.7. *Giá khởi điểm* là mức giá ban đầu của một cổ phần được chào bán ra bên ngoài do cơ quan quyết định cổ phần hoá quyết định.

2.8. *Tiền đặt cọc* là một khoản tiền của nhà đầu tư ứng trước để đảm bảo quyền tham gia đấu giá;

2.9. *Tổ chức bán đấu giá* là Trung tâm Giao dịch Chứng khoán.....(tên TTGDCK) / công ty chứng khoán...(tên công ty chứng khoán);

2.10. *Ban tổ chức đấu giá* là tổ chức do Trung tâm Giao dịch Chứng khoán.....(tên TTGDCK)/công ty chứng khoán ...(tên công ty chứng khoán) thành lập để thực hiện việc bán đấu giá cổ phần và các công việc liên quan;

2.11. *Đại lý đấu giá* là các công ty chứng khoán tham gia vào việc tổ chức đấu giá trên cơ sở hợp đồng đại lý với TTGDCK.

2.12. *Hội đồng đấu giá* là tổ thực hiện chỉ đạo việc bán đấu giá bao gồm: đại diện *Ban tổ chức đấu giá*, đại diện *Ban chỉ đạo cổ phần hoá doanh nghiệp*, đại diện *tổ chức tư vấn*, và đại diện *nhà đầu tư (nếu có)*

Chương II **QUY ĐỊNH CỤ THỂ**

Điều 3. Trách nhiệm và quyền hạn của Ban chỉ đạo cổ phần hóa

3.1. Hoàn tất và chịu trách nhiệm về tính chính xác và đầy đủ của bản Công bố thông tin liên quan đến Tổ chức phát hành theo đúng quy định. Trường hợp Ban chỉ đạo cổ phần hoá uỷ quyền cho tổ chức tư vấn soạn thảo bản Công bố thông tin thì tổ chức tư vấn phải chịu trách nhiệm về tính chính xác và đầy đủ của bản Công bố thông tin.

3.2. Báo cáo cơ quan chức năng ra quyết định phê duyệt giá khởi điểm.

3.3. Phối hợp với *Tổ chức bán đấu giá* và *Đại lý đấu giá* công bố công khai cho các nhà đầu tư các thông tin liên quan đến doanh nghiệp và cuộc bán đấu giá tối thiểu 20 ngày trước ngày thực hiện đấu giá.

3.4. Cử đại diện tham gia kiểm tra, giám sát hoạt động bán đấu giá theo quy định của quy chế này và các quy định hiện hành.

3.5. Tổng hợp, báo cáo cơ quan quyết định cổ phần hóa tình hình và kết quả bán đấu giá.

Điều 4. Trách nhiệm và quyền hạn của Tổ chức bán đấu giá

4.1. Thông báo việc đăng ký làm đại lý đấu giá cho các Công ty chứng khoán trước khi thực hiện công bố thông tin liên quan đến việc bán đấu giá theo quy định tại Điều 4.2 Quy chế này và trước ngày tổ chức đấu giá tối thiểu 22 ngày.

4.2. Thông báo công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng, tại nơi bán đấu giá và trên các phương tiện thông tin của *Tổ chức bán đấu giá* các thông tin liên quan đến việc bán cổ phần và danh sách các đại lý đấu giá trước khi tổ chức đấu giá tối thiểu 20 ngày.

Sau khi kết thúc thời hạn đăng ký của nhà đầu tư, Tổ chức bán đấu giá có trách nhiệm tiến hành tổng hợp, đối chiếu giữa Đơn đăng ký đấu giá với số lượng đăng ký trên hệ thống và số tiền đặt cọc thực nộp. Thông báo công khai tại nơi bán đấu giá và trên các phương tiện thông tin của *Tổ chức bán đấu giá* về tổng số nhà đầu tư tham gia và tổng số cổ phần đăng ký mua (phân theo tổ chức và cá nhân) chậm nhất 02 ngày làm việc trước ngày tổ chức đấu giá được quy định tại Điều 10.2 của Quy chế này.

4.3. Cung cấp thông tin liên quan đến doanh nghiệp và cuộc đấu giá cho Đại lý đấu giá và nhà đầu tư.

4.4. Tổ chức thực hiện việc đấu giá.

4.5. Lập biên bản và thông báo kết quả cho *Ban chỉ đạo cổ phần hóa*.

4.6. Gửi kết quả đấu giá cho các đại lý đấu giá ngay sau khi kết thúc phiên đấu giá.

4.7. Thực hiện các hoạt động khác có liên quan đến đấu giá bán cổ phần.

Điều 5. Trách nhiệm và quyền hạn của Đại lý đấu giá

5.1. Ký hợp đồng đại lý đấu giá với TTGDCK và tham gia làm đại lý đấu giá khi TTGDCK yêu cầu.

5.2. Phối hợp với *Tổ chức bán đấu giá* thực hiện việc thông báo công khai tại nơi bán đấu giá, trên website của đại lý đấu giá và trên các phương tiện thông tin đại chúng của đại lý đấu giá các thông tin về việc bán đấu giá cổ phần do *Tổ chức bán đấu giá* cung cấp theo quy định tại Điều 4.3 Quy chế này.

5.3. Cung cấp thông tin liên quan đến doanh nghiệp và cuộc đấu giá cho nhà đầu tư cùng với *Đơn đăng ký tham gia đấu giá mua cổ phần*.

5.4. Tiếp nhận *Đơn đăng ký tham gia đấu giá mua cổ phần*, kiểm tra điều kiện tham dự đấu giá và phát *Phiếu tham dự đấu giá* cho các nhà đầu tư có đủ điều kiện.

5.5. Tại thời điểm bắt đầu cuộc đấu giá, đại diện của đại lý đấu giá công bố những thông tin chủ yếu như:

- Tên doanh nghiệp cổ phần hoá, dự kiến vốn điều lệ, số lượng cổ phần bán ra và số lượng cổ phần bán đấu giá công khai, số lượng nhà đầu tư và số lượng cổ phần đăng ký mua.
- Giá khởi điểm của cổ phần chào bán và những hành vi bị coi là vi phạm Quy chế đấu giá, bị loại trừ khỏi cuộc đấu giá, không được nhận lại tiền đặt cọc;
- Trình tự và thủ tục đấu giá và nguyên tắc xác định quyền được mua cổ phần theo giá đấu giá.
- Giải thích những vấn đề mà người tham gia đấu giá còn thắc mắc.

5.6. Tiếp nhận *Phiếu tham dự đấu giá* của các nhà đầu tư chậm nhất ...; và chuyển *Hòm Phiếu tham dự đấu giá* của các nhà đầu tư đến *Tổ chức đấu giá* theo quy định tại Điều 10.2. Hòm đựng *Phiếu tham dự đấu giá* phải được niêm phong trước sự chứng kiến của nhà đầu tư;

Trường hợp đại lý đấu giá không chuyển đủ *Phiếu tham dự đấu giá* của nhà đầu tư đến địa điểm tổ chức đấu giá theo đúng thời gian quy định tại Điều 10.2, đại lý đấu giá có trách nhiệm đền bù tổn thất cho người đầu tư theo các quy định hiện hành.

5.7. Thông báo/ Gửi kết quả đấu giá cho các nhà đầu tư.

5.8. Thực hiện bán cổ phần theo kết quả đấu giá.

5.9. Sau khi nhận tiền đặt cọc từ *Tổ chức đấu giá*, hoàn trả tiền đặt cọc cho các nhà đầu tư tham dự đấu giá nhưng không trúng.

5.10. Thực hiện các hoạt động khác có liên quan.

Điều 6. Công bố thông tin

6.1. Tổ chức bán đấu giá.....(tên TTGDCK hoặc công ty chứng khoán) phối hợp với doanh nghiệp bán đấu giá, đại lý đấu giá công bố thông tin về việc bán đấu giá trên các phương tiện sau đây:

- Ba (03) số liên tiếp của các báo: (nêu tên các báo công bố);
- Tên địa chỉ và tên các website công bố thông tin.

Tổ chức bán đấu giá phải chịu trách nhiệm đảm bảo công bố thông tin chính xác theo đúng tài liệu do doanh nghiệp bán đấu giá cung cấp.

6.2. Thông tin cụ thể liên quan đến doanh nghiệp cổ phần hoá và đợt đấu giá được công bố tại:

- Tổ chức bán đấu giá....(tên TTGDCK hoặc công ty chứng khoán), địa chỉ:....
- Doanh nghiệp.....(nêu tên, địa chỉ doanh nghiệp cổ phần hoá);
- Đại lý (nêu tên địa chỉ các đại lý nếu có);
- Tên địa chỉ và tên các website công bố thông tin.

Điều 7. Đối tượng tham gia đấu giá và các quy định liên quan

Các tổ chức kinh tế, cá nhân Việt Nam và nước ngoài theo quy định tại Điều 4 Nghị định số 187/2004/NĐ-CP ngày 16/11/2004 của Chính phủ về việc chuyển công ty nhà nước thành công ty cổ phần (sau đây gọi chung là nhà đầu tư) có đủ điều kiện sau đây được tham dự đấu giá:

- Có tư cách pháp nhân (đối với các tổ chức kinh tế); có địa chỉ cụ thể, rõ ràng; Nếu người đại diện pháp nhân thì phải có giấy ủy quyền; Nếu là cá nhân phải có chứng minh thư nhân dân, giấy tờ tùy thân hợp lệ và có đủ năng lực hành vi dân sự.
- Đối với nhà đầu tư nước ngoài: ngoài các quy định như đối với pháp nhân và cá nhân trong nước, phải mở tài khoản tại các tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán đang hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam và tuân thủ pháp luật Việt Nam. Mọi hoạt động liên quan đến mua cổ phần đều phải thông qua tài khoản này.
- Tổ chức tài chính trung gian thực hiện định giá hoặc đấu giá bán cổ phần của (*tên doanh nghiệp*) không được tham gia đấu giá mua cổ phần của (*tên doanh nghiệp*).
- Các tổ chức tài chính trung gian nhận uỷ thác đầu tư: Trường hợp các tổ chức tài chính trung gian nhận uỷ thác đầu tư của cả nhà đầu tư trong nước và nước ngoài, tổ chức nhận uỷ thác đầu tư có trách nhiệm tách biệt rõ số lượng nhà đầu tư, số cổ phần của từng nhà đầu tư trong và ngoài nước đăng ký mua.

Điều 8. Thủ tục đăng ký tham gia đấu giá và nộp tiền đặt cọc

8.1. Nhà đầu tư nhận đơn hoặc trực tiếp in mẫu đơn đăng ký tham gia đấu giá tại *đại lý đấu giá* theo các địa điểm và địa chỉ website nêu tại khoản 6.2 Quy chế này.

8.2. Nộp tiền đặt cọc:

Nhà đầu tư phải nộp tiền đặt cọc bằng 10% giá trị cổ phần đăng ký mua tính theo giá khởi điểm. Tiền đặt cọc nộp bằng đồng Việt Nam (bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản) vào tài khoản của Đại lý đấu giá (số hiệu tài khoản....tại....). Tiền đặt cọc sẽ không được hưởng lãi.

8.3. Nộp đơn đăng ký tham gia đấu giá:

Nhà đầu tư điền đầy đủ thông tin vào đơn đăng ký tham gia đấu giá và nộp tại địa điểm làm thủ tục đăng ký kèm theo xuất trình:

- Đối với cá nhân trong nước:
 - CMND hoặc hộ chiếu. Trường hợp nhận uỷ quyền, phải có giấy uỷ quyền theo quy định của pháp luật hoặc mẫu đính kèm quy chế này.
 - Giấy nộp tiền hoặc giấy chuyển tiền đặt cọc;
- Đối với tổ chức trong nước: Ngoài quy định như đối với cá nhân trong nước còn nộp thêm Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy tờ khác tương đương, giấy uỷ quyền cho đại diện thay mặt tổ chức thực hiện thủ tục trừ trường hợp người làm thủ tục là đại diện theo pháp luật của tổ chức;
- Đối với cá nhân và tổ chức nước ngoài: Ngoài các quy định như đối với cá nhân và tổ chức trong nước phải xuất trình giấy xác nhận mở tài khoản tại một tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán đang hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam.

8.4. Thời gian, địa điểm làm thủ tục đăng ký và đặt cọc

Thời gian làm thủ tục đăng ký: Từ ... giờ ngày..... đến ... giờ ngày..... tại các địa điểm:

- Công ty chứng khoán..... (nêu tên, địa chỉ đại lý nếu có).

Sau khi hoàn tất các thủ tục đăng ký, nhà đầu tư được cấp phiếu tham dự đấu giá;

8.5. Nhà đầu tư chỉ được sửa đổi hoặc huỷ đăng ký tham gia đấu giá trong thời hạn làm thủ tục đăng ký nêu trên. Trường hợp huỷ đăng ký tham gia đấu giá, nhà đầu tư phải làm đơn đề nghị huỷ đăng ký tham gia đấu giá theo mẫu quy định của *Tổ chức đấu giá*.

Điều 9. Lập và nộp phiếu tham dự đấu giá

9.1. Nhà đầu tư tự điền phiếu tham dự đấu giá. Phiếu tham dự đấu giá hợp lệ là:

- Phiếu do đại lý cấp; có đóng dấu treo của nơi cấp phiếu và đảm bảo: điền đầy đủ, rõ ràng các thông tin theo quy định phiếu không được tẩy xoá hoặc rách nát; giá đặt mua không thấp hơn giá khởi điểm; tổng số cổ phần đặt mua tối đa bằng mức đăng ký. Phiếu tham dự đấu giá phải được bỏ trong phong bì có chữ ký của nhà đầu tư trên mép dán phong bì theo quy định.

- Bỏ phiếu kín theo đúng thời hạn quy định như sau:

- Bỏ trực tiếp vào thùng phiếu tại (*tên đại lý đấu giá*): Chậm nhất ...;
- Gửi qua bưu điện đến (*tên đại lý đấu giá*): Chậm nhất ...

Thời điểm nhận phiếu được tính là thời điểm đại lý ký nhận với nhà đầu tư hoặc bưu điện.

9.2. Trường hợp phiếu tham dự đấu giá bị rách nát, tẩy xóa: Nhà đầu tư phải yêu cầu đại lý đổi phiếu mới sau khi đã nộp phiếu cũ.

Trường hợp nhà đầu tư mất phiếu: Nhà đầu tư phải làm đơn (theo mẫu quy định) đề nghị đại lý cấp lại phiếu mới và phiếu cũ coi như không còn giá trị.

Điều 10. Địa điểm và thời gian tổ chức cuộc đấu giá

10.1. Địa điểm tổ chức đấu giá

- Trung tâm Giao dịch Chứng khoán.....(*tên TTGDCK*), địa chỉ:.....
- Công ty..... (nêu các địa điểm mở hòm phiếu tham dự đấu giá).

10.2. Thời gian tổ chức đấu giá:giờ ... phút ngày...tháng....năm....

Các đại lý đấu giá có trách nhiệm kết thúc nhận *Phiếu tham dự đấu giá* của nhà đầu tư trước...giờ...phút ngày... tháng...năm...; và chuyển hòm *Phiếu tham dự đấu giá* của nhà đầu tư về TTGDCK (*tên TTGDCK*) trước thời gian tổ chức đấu giá 01 giờ. (Trường hợp tổ chức đấu giá tại 02 TTGDCK thì phải nêu rõ danh sách đại lý đấu giá chuyển hòm phiếu tới từng TTGDCK cụ thể)

Điều 11. Các quy định liên quan đến việc đấu giá

Ban chỉ đạo cổ phần hoá phối hợp với *Tổ chức bán đấu giá* xác định:

- Số lượng cổ phần chào bán:
- Mệnh giá:
- Giá khởi điểm:
- Bước giá:
- Số lượng tối thiểu, tối đa:
- Số lượng nhà đầu tư nước ngoài được phép mua:
- Số mức giá, mức tối thiểu của mỗi mức giá:

Điều 12. Xem xét các điều kiện để tổ chức cuộc đấu giá

Trước giờ tổ chức đấu giá, *Tổ chức bán đấu giá* sẽ kiểm tra và xác định rõ:

- Danh sách các nhà đầu tư đủ điều kiện tham dự đấu giá;
- Số lượng phiếu tham dự đấu giá;

Cuộc đấu giá được tiến hành khi có ít nhất hai (02) nhà đầu tư đủ điều kiện tham dự đấu giá. Nếu không đủ điều kiện này thì không tổ chức đấu giá, cuộc đấu giá được coi là không thành.

Điều 13. Thực hiện đấu giá

13.1 Tại thời điểm bắt đầu mở hòm phiếu tham dự đấu giá, Trưởng Ban Tổ chức đấu giá hoặc người được uỷ quyền công bố những thông tin chủ yếu như:

- Tên doanh nghiệp cổ phần hoá, dự kiến vốn điều lệ, số lượng cổ phần bán ra và số lượng cổ phần bán đấu giá công khai, số lượng nhà đầu tư và số lượng cổ phần đăng ký mua.
- Số lượng đại lý tham gia đấu giá và số hòm phiếu nhận được.
- Trình tự và thủ tục đấu giá và nguyên tắc xác định quyền mua cổ phần theo giá đấu giá.
- Giải thích những vấn đề mà người đầu tư hoặc các bên liên quan còn thắc mắc.

13.2 Xác định kết quả đấu giá

Kết quả đấu giá được xác định theo nguyên tắc quy định tại Thông tư 126/2004/TT-BTC ngày 24/12/2004 của Bộ Tài chính như sau:

- Xác định theo giá đặt mua từ cao xuống thấp, nhà đầu tư đặt mua theo giá nào thì được mua cổ phần theo giá đó.
- Nhà đầu tư trả giá cao nhất được quyền mua đủ số cổ phần đã đăng ký theo các mức giá đã trả. Số cổ phần còn lại lần lượt được bán cho các nhà đầu tư trả giá cao liền kề cho đến hết số cổ phần chào bán.
- Trường hợp các nhà đầu tư trả giá bằng nhau nhưng số cổ phần chào bán ít hơn tổng số cổ phần đăng ký mua thì số cổ phần của từng nhà đầu tư được mua xác định như sau:

$$\begin{array}{l} \text{Số cổ phần} \\ \text{n nhà đầu tư} \\ \text{được mua} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Số cổ phần} \\ \text{còn lại chào} \\ \text{bán} \end{array} \times \frac{\text{Số cổ phần từng nhà đầu tư đăng ký mua giá bằng nhau}}{\text{Tổng số cổ phần các nhà đầu tư đăng ký mua giá bằng nhau}}$$

Trường hợp còn dư cổ phiếu lẻ, số cổ phần lẻ này được phân bổ cho nhà đầu tư có khối lượng đăng ký mua lớn nhất tại mức giá đó.

Riêng đối với nhà đầu tư nước ngoài, kết quả đấu giá cũng được xác định theo nguyên tắc trên, kết hợp với tỷ lệ khống chế trần được phép mua theo quy định.

Kết quả đấu giá được ghi vào biên bản và có chữ ký của đại diện Tổ chức bán đấu giá, Ban chỉ đạo cổ phần hoá và doanh nghiệp.

Điều 14. Thông báo kết quả đấu giá cho nhà đầu tư

Tổ chức bán đấu giá có trách nhiệm gửi kết quả đấu giá cho các *Đại lý đấu giá* ngay sau khi kết thúc phiên đấu giá.

Đại lý đấu giá sẽ gửi kết quả đấu giá cho nhà đầu tư theo đường bưu điện. Trường hợp không nhận được phiếu qua đường bưu điện, nhà đầu tư được nhận kết quả đấu giá tại *Đại lý đấu giá* nơi gửi phiếu tham dự đấu giá.

Điều 15. Phương thức và địa điểm thanh toán tiền mua cổ phần

15.1. Căn cứ vào thông báo kết quả đấu giá do *Đại lý đấu giá* cung cấp, nhà đầu tư trúng giá mua cổ phần có trách nhiệm thanh toán tiền mua cổ phần trong thời hạn không quá mười 15 ngày làm việc kể từ ngày công bố kết quả đấu giá.

15.2. Hình thức thanh toán tiền mua cổ phần: thanh toán bằng đồng Việt Nam theo hình thức nộp tiền mặt hoặc chuyển khoản cho *Đại lý đấu giá* (nơi làm thủ tục đăng ký). *Đại lý đấu giá* có trách nhiệm chuyển tiền mua cổ phần của nhà đầu tư về TTGDCK...(tên TTGDCK) sau 02 ngày làm việc kể từ khi hết thời hạn thanh toán mua cổ phần. TTGDCK...(tên TTGDCK) có trách nhiệm tổng hợp và chuyển toàn bộ tiền mua cổ phần về Quỹ Bộ Tài chính sau 03 ngày làm việc kể từ khi hết thời hạn thanh toán mua cổ phần.

Điều 16. Xử lý các trường hợp vi phạm

16.1. Những trường hợp sau đây bị coi là vi phạm Quy chế bán đấu giá và nhà đầu tư không được nhận lại tiền đặt cọc:

- Không nộp phiếu tham dự đấu giá;
- Phiếu tham dự đấu giá không đáp ứng quy định tại điểm 9.1 của Quy chế này hoặc bị rách, nát, tẩy xóa, không xác định được giá hoặc khối lượng đặt mua;
- Đăng ký nhưng không đặt mua (toàn bộ hoặc một phần), sẽ không được nhận lại tiền đặt cọc tương ứng với số cổ phần không đặt mua;
- Bỏ giá thấp hơn giá khởi điểm;
- Không ghi giá và/hoặc khối lượng trên Phiếu tham dự đấu giá;
- Không thanh toán toàn bộ hoặc một phần số cổ phần được quyền mua theo kết quả đấu giá. Nhà đầu tư sẽ không được nhận lại số tiền đặt cọc tương ứng với số cổ phần từ chối mua. Trong trường hợp nhà đầu tư chỉ thanh toán một phần, số cổ phần trúng giá mua của nhà đầu tư sẽ được Ban đấu giá xét theo thứ tự mức giá đặt mua từ cao xuống thấp trong các mức giá đặt mua của nhà đầu tư đó.

16.2. Hội đồng đấu giá có trách nhiệm xem xét xử lý các trường hợp vi phạm tại Điều 16.1 nói trên và các trường hợp vi phạm khác tùy theo mức độ vi phạm.

Điều 17. Xử lý số cổ phần không bán hết

Trường hợp không bán hết một phần hoặc toàn bộ số lượng cổ phần bán đấu giá (kể cả số cổ phần bị từ chối mua), Tổ chức bán đấu giá...(tên TTGDCK) sẽ thông báo cho Ban chỉ đạo Cổ phần hoá để xử lý theo quy định.

Điều 18. Xử lý số cổ phần chưa được phân phối do vi phạm Quy chế bán đấu giá

Trường hợp hết thời hạn thanh toán nhưng nhà đầu tư không nộp hoặc chỉ nộp một phần tiền, *Tổ chức bán đấu giá* sẽ thông báo công khai tại trụ sở của mình và các đại lý về số lượng cổ phần chưa được phân phối do nhà đầu tư không nộp tiền. Trung tâm GDCK ... sẽ phối hợp Ban chỉ đạo cổ phần hoá để xem xét xử lý số cổ phần của nhà đầu tư trúng thầu từ chối mua theo hướng như sau:

18.1. Trường hợp số lượng cổ phần trúng thầu của nhà đầu tư từ chối mua nhỏ hơn 30% tổng số cổ phần bán đấu giá:

- *Tổ chức bán đấu giá* thông báo cho Ban chỉ đạo cổ phần hoá quyết định việc bán tiếp cho nhà đầu tư tham dự đấu giá theo phương thức thoả thuận. Giá bán theo thứ tự từ cao xuống thấp nhưng không thấp hơn giá đấu thành công bình quân của cuộc đấu giá (bao gồm cả giá đấu của nhà đầu tư đã từ chối mua)

- Trong vòng hai ngày làm việc tiếp theo, nhà đầu tư đã tham gia đấu giá nếu có nhu cầu mua phải làm thủ tục đăng ký mua.

- Nhà đầu tư được quyền mua cổ phần sẽ thực hiện việc nộp tiền mua cổ phần trong vòng hai (02) ngày làm việc kể từ ngày *Tổ chức bán đấu giá* thông báo kết quả phân phối số cổ phần này.

Sau khi thoả thuận vẫn không bán hết số cổ phần dự kiến bán ra thì Ban chỉ đạo cổ phần hoá báo cáo cơ quan quyết định cổ phần hoá xử lý theo quy định của Pháp luật.

18.2. Trường hợp số lượng cổ phần nhà đầu tư trúng thầu từ chối mua từ 30% tổng số cổ phần bán đấu giá trở lên:

- *Tổ chức bán đấu giá* thông báo cho Ban chỉ đạo cổ phần hoá quyết định việc bán đấu giá tiếp số cổ phần từ chối mua.

- Sau khi đấu giá bán tiếp vẫn không bán hết, Ban chỉ đạo cổ phần hoá báo cáo cơ quan quyết định cổ phần hoá xử lý theo quy định của Pháp luật.

Điều 19. Xử lý tiền đặt cọc

- *Tổ chức bán đấu giá* có trách nhiệm chuyển tiền đặt cọc của nhà đầu tư tham dự cuộc đấu giá nhưng không mua được cổ phần cho các đại lý đấu giá trong vòng 02 ngày làm việc (kể từ ngày công bố kết quả đấu giá).

- Đối với các bên tham gia đấu giá có tham dự cuộc đấu giá nhưng không được mua cổ phần thì trong 05 ngày làm việc (kể từ ngày công bố kết quả đấu giá), (*Tổ chức bán đấu giá*) *Đại lý đấu giá* có trách nhiệm thanh toán lại tiền đặt cọc cho các đối tượng trên;

- Đối với các bên tham gia đấu giá được quyền mua cổ phần theo kết quả đấu giá thì khoản tiền đặt cọc được trừ vào tổng số tiền phải trả;

- Đối với các khoản tiền đặt cọc không phải hoàn lại do nhà đầu tư vi phạm quy chế đấu giá quy định tại **Điều 16** Quy chế này được *Tổ chức bán đấu giá* chuyển về *Tổ chức phát hành* để xử lý theo quy định.

Điều 20. Các quy định khác

Mọi thắc mắc khiếu nại của nhà đầu tư (nếu có) phải được nêu lên và giải quyết trong cuộc đấu giá. *Ban tổ chức đấu giá* sẽ không chịu trách nhiệm đối với các thắc mắc khiếu nại của nhà đầu tư sau khi cuộc đấu giá kết thúc.

Tổ chức bán đấu giá và Đại lý đấu giá không chịu trách nhiệm về giá trị của cổ phần bán đấu giá, trừ trường hợp không thông báo đầy đủ, chính xác những thông tin do *Tổ chức phát hành* cung cấp.

Điều 21. Hiệu lực thi hành

Quy chế này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- ...
- ...

**GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN
(CÔNG TY CHỨNG KHOÁN)**

(ký tên, đóng dấu)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

-----***-----

HỢP ĐỒNG ĐẠI LÝ ĐẦU GIÁ BÁN CỔ PHẦN TẠI
TRUNG TÂM GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

Số:

Căn cứ vào Bộ Luật dân sự số 33/2005/QH11 ngày 14 tháng 06 năm 2005 của Quốc hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam.

Căn cứ Thông tư số 126 /2004/TT-BTC ngày 24/12/2004 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc thực hiện Nghị định 187/2004/NĐ-CP ngày 16/11/2004 của Chính phủ về việc chuyển công ty nhà nước thành công ty cổ phần;

Căn cứ Thông tư 95/2006/TT-BTC ngày 12/10/2006 của Bộ Tài Chính sửa đổi, bổ sung Thông tư 126/2004/TT-BTC ngày 24/12/2004 hướng dẫn về việc thực hiện Nghị định 187/2004/NĐ-CP ngày 16/11/2004 của Chính phủ về việc chuyển công ty nhà nước thành công ty cổ phần;

Căn cứ Quyết định số..... của quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Giao dịch chứng khoán.....;

Căn cứ Quyết định/QĐ-UBCK ngàycủa Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước về việc ban hành Quy trình bán đấu giá cổ phần tại Trung tâm Giao dịch chứng khoán;

Căn cứ Đơn đăng ký làm đại lý đầu giá của.....

Căn cứ vào nhu cầu và khả năng của hai bên.

Hôm nay, ngày tháng năm 200 tại

Chúng tôi gồm:

Bên A: TTGDCK

Địa chỉ:

Điện thoại:

Fax:

Tài khoản số:

tại

Người đại diện:

Chức vụ:

Bên B: Công ty Chứng khoán (đại lý đầu giá)

Địa chỉ:

Điện thoại:

Fax:

Tài khoản số:

Tại

Người đại diện:

Chức vụ:

Sau khi thoả thuận, hai bên cùng thống nhất ký Hợp đồng theo các điều khoản sau đây:

Điều 1: Đối tượng và nội dung của Hợp đồng

1.1 Đối tượng của hợp đồng là dịch vụ tổ chức bán đấu giá cổ phần của doanh nghiệp -----;

1.2 Nội dung thực hiện dịch vụ bán đấu giá cổ phần bao gồm:

Tổ chức thực hiện đợt bán đấu giá theo quy định tại Thông tư số 126 /2004/TT-BTC; Thông tư 95/2006/TT-BTC; Quy trình bán đấu giá cổ phần qua Trung tâm GDCK ban hành kèm theo Quyết định số/QĐ-UBCKNN của Chủ tịch UBCKNN ngày và Quy chế đấu giá bán cổ phần;

Điều 2: Thông tin cổ phần chào bán

2.1. Tên cổ phần:

2.2. Loại cổ phần:

2.3. Mệnh giá mỗi cổ phần:

2.4. Số lượng cổ phần chào bán:

Điều 3: Giá trị hợp đồng và phương thức thanh toán

3.1 Đại lý đấu giá được nhận phí cố định và phí tăng thêm:

- Mức phí cố định: 1.000.000đ/cuộc đấu giá
- Mức phí tăng thêm: tỷ lệ với khối lượng cổ phần đăng ký qua đại lý. Cụ thể:

$$\text{Phí tăng thêm của đại lý} = \frac{\text{Tổng phí tăng thêm của các đại lý đấu giá}}{\text{Tổng khối lượng cổ phần đăng ký qua đại lý}} \times \text{Tổng khối lượng cổ phần đăng ký của các đại lý}$$

Tổng phí tăng thêm của các đại lý = Chi phí tổ chức đấu giá TTGDCK nhận được từ doanh nghiệp trừ (-) Chi phí thực hiện các công việc liên quan tới cuộc đấu giá tại TTGDCK (tối thiểu 15 triệu) trừ (-) Tổng phí cố định phải trả cho các đại lý

3.2 Điều kiện thanh toán: Bên A thanh toán 100% giá trị hợp đồng cho bên B trong vòng 03 ngày kể từ ngày kết thúc cuộc đấu giá;

3.3 Phương thức thanh toán: Chuyển khoản bằng đồng Việt Nam vào tài khoản của đại lý.

Điều 4: Trách nhiệm của bên A

4.1 Chuẩn bị cơ sở vật chất kỹ thuật để cung cấp dịch vụ đấu giá, tổ chức đấu giá và đưa ra kết quả đấu giá;

4.2 Chịu trách nhiệm trực tiếp với nhà đầu tư trong những trường hợp do lỗi của TTGDCK;

4.3 Cung cấp cho đại lý đấu giá hồ sơ công bố thông tin của doanh nghiệp đấu giá (01 bản cứng và bản mềm)

- 4.4 Xử lý việc khiếu nại của nhà đầu tư (nếu có) liên quan đến hoạt động đấu giá trong phạm vi thẩm quyền;
- 4.5 Gửi cho bên B thông báo kết quả đấu giá của nhà đầu tư, bản tổng hợp danh sách các nhà đầu tư trúng giá, các nhà đầu tư được hoàn trả tiền cọc, các nhà đầu tư vi phạm quy chế và tổng số tiền cọc được hoàn trả của các nhà đầu tư đăng ký tham gia đấu giá qua đại lý theo đúng thời gian quy định tại Quy chế đấu giá

Điều 5: Trách nhiệm của bên B (đại lý đấu giá)

- 5.1 Thực hiện tham gia làm đại lý đấu giá theo sự phân công của bên A.
- 5.2 Thực hiện việc công bố thông tin trên Web, yết thị tại trụ sở, chi nhánh có thực hiện nhận đăng ký;
- 5.3 Cung cấp hồ sơ công bố thông tin của doanh nghiệp đấu giá cho nhà đầu tư theo tài liệu đã được TTGDCK cung cấp;
- 5.4 Nhận tiền đặt cọc, hồ sơ đăng ký tham dự đấu giá và các giấy tờ khác (nếu có) của nhà đầu tư;
- 5.5 Nhập các thông tin về đăng ký đấu giá của các nhà đầu tư vào hệ thống đấu giá của TTGDCK theo đúng thời gian quy định tại Quy chế đấu giá;
- 5.6 Gửi thông báo xác nhận về tổng số nhà đầu tư đăng ký tham dự đấu giá và tổng khối lượng cổ phần đăng ký mua cho TTGDCK sau 01 ngày kể từ ngày đăng ký cuối cùng;
- 5.7 Chuyển tiền đặt cọc và Danh sách nhà đầu tư đăng ký tham dự đấu giá (kèm theo đơn đăng ký) cho TTGDCK chậm nhất là 02 ngày làm việc trước ngày tổ chức đấu giá.
- 5.8 Nhận Phiếu tham dự đấu giá của nhà đầu tư bỏ tại hòm phiếu của Công ty và bàn giao lại cho TTGDCK theo đúng thời gian quy định tại Quy chế đấu giá.
- 5.9 Bảo mật và không được tiết lộ các thông tin về đăng ký đấu giá, giá đặt mua và những thông tin mật khác (nếu có) của nhà đầu tư cho những tổ chức, cá nhân không có liên quan;
- 5.10 Chịu trách nhiệm trực tiếp với nhà đầu tư trong trường hợp đại lý chậm trễ trong việc gửi phiếu tham gia đấu giá đến TTGDCK hoặc phiếu tham gia đấu giá của nhà đầu tư bị thất lạc tại hòm phiếu của đại lý hoặc trong những trường hợp khác do lỗi của đại lý;
- 5.11 Chịu trách nhiệm xử lý với bưu điện trong trường hợp nhà đầu tư gửi phiếu tham gia đấu giá đến đại lý qua bưu điện nhưng phiếu bị thất lạc hoặc chậm trễ do lỗi của bưu điện;
- 5.12 Chuyển tiền thanh toán mua cổ phần và Danh sách nhà đầu tư trúng giá nộp tiền mua cổ phần cho TTGDCK chậm nhất là 01 ngày làm việc sau ngày kết thúc thanh toán;
- 5.11 Chịu trách nhiệm gửi thông báo kết quả cho các nhà đầu tư đăng ký tham gia đấu giá tại đại lý.

Điều 6: Giải quyết tranh chấp

- 6.1. Hai bên cam kết thực hiện đầy đủ các điều khoản đã ghi trong hợp đồng. Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh vướng mắc, hai bên phải kịp thời thông báo cho nhau bằng văn bản và cùng bàn bạc tìm biện pháp giải quyết;
- 6.2. Mọi tranh chấp phát sinh (nếu có) liên quan đến hợp đồng này sẽ được các bên giải quyết bằng thương lượng, hoà giải. Trường hợp các bên không giải quyết được bằng hoà giải, thì một trong hai bên có thể yêu cầu giải quyết các tranh chấp tại Toà án. Quyết định của Toà án được coi là phán quyết cuối cùng và có hiệu lực bắt buộc thi hành đối với các bên.

Điều 7: Điều khoản thi hành

- 7.1. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký và kết thúc kể từ ngày hai bên ký Biên bản thanh lý hợp đồng;
- 7.2. Mọi sửa đổi, bổ sung hợp đồng này phải được sự đồng ý, thống nhất của các bên bằng văn bản;
- 7.3. Các phụ lục được ký kết giữa hai bên là bộ phận gắn liền với bản hợp đồng này;
- 7.4. Hợp đồng này được lập thành 04 bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 02 bản.

ĐẠI DIỆN BÊN A

ĐẠI DIỆN BÊN B